TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỜ ĐỎ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 7 - 2020
V/v *"Tranh chấp ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Kiệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Thanh Vũ;

2. Ông Nguyễn Hoàng Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương – Thư ký Tòa án nhân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 07 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2019/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc "*Tranh chấp ly hôn*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXX-ST ngày 23 tháng 4 năm 2020 và Thông báo đưa vụ án ra xét xử số 97/2020/TBXXST-HNGĐ ngày 02/7/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, TP. Cần Thơ.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết P, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, TP. Cần Thơ.

(Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các biên bản hoà giải anh Nguyễn Thanh B trình bày: Anh Nguyễn Thanh B và chị Nguyễn

Thị Tuyết P qua thời gian tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân có tổ chức đám cưới theo phong tục cổ truyền vào năm 1999, đăng ký kết hôn vào ngày 19/12/2002 số 381, quyển số 02 tại UBND xã Thới Đông, Ô Môn, Cần Thơ cũ. Do thất lạc bản chính giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên Anh B và Chị P tiến hành đăng ký kết hôn lại vào ngày 10/4/2019 tại UBND xã Thới Đông, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do vấn đề tài chính làm ăn thua lỗ, thu nhập của vợ chồng từ việc chăn nuôi mỗi năm hơn 01 tỷ đồng, do Chị P quản lý, nhưng Chị P để thất thoát tiền bạc mà không có lý do chính đáng. Từ đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn tình cảm và đã sống ly thân cách nay 05 năm mặc dù cùng ở chung nhà. Do thấy hôn nhân không hạnh phúc nên Anh B yêu cầu được ly hôn với Chị P.

Về con chung: Anh B và Chị P có 02 con chung là Nguyễn Đăng K1(nam), sinh ngày 11/9/2000 đã trưởng thành và Nguyễn Đăng K2(nam), sinh ngày 15/7/2013. Anh B yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Khôi, không yêu cầu Chị P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận; Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai và các biên bản hòa giải, chị Nguyễn Thị Tuyết P trình bày: Chị Nguyễn Thị Tuyết P thống nhất lời khai của Anh B về quá trình tiến tới hôn nhân. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, Chị P cho rằng chị vẫn làm tròn trách nhiệm của người con dâu, người vợ luôn lo lắng cho gia đình và con cái, Anh B có mối quan hệ với người phụ nữ khác bỏ bê vợ con, không chăm tình cảm và kinh tế cho vợ con. Anh B làm việc có thu nhập cao nhưng không phụ giúp Chị P để lo cho gia đình. Do chị không có lỗi và vẫn còn thương Anh B, nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Nguyễn Đăng K1(nam), sinh năm 2000 đã trưởng thành, Nguyễn Đăng K2(nam), sinh ngày 15/7/2013. Trường hợp ly hôn thì Chị P yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Khôi, yêu cầu Anh B cấp dưỡng cho con chung chưa thành niên mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận; Nợ chung không có.

Tại phiên tòa:

Anh Nguyễn Thanh B có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử công bố các lời khai của Anh B đã được ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án, và văn bản *"Bức tâm thư"* do anh Nguyễn Đăng K1là con chung của Anh B và

Chị P gửi đến Tòa án.

Chị P vẫn giữ ý kiến không đồng ý ly hôn với Anh B, lý do chính chị không đồng ý ly hôn với Anh B là vì vấn đề tài sản chung chưa được giải quyết. Trong trường hợp buộc phải ly hôn thì Chị P yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đăng Khôi, yêu cầu Anh B cấp dưỡng cho cháu K2mỗi tháng 5.000.000 đồng, đến khi cháu K2trưởng thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ trình bày ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn" là phù hợp; bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cờ Đỏ nên Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Thanh B, Anh B được ly hôn với Chị P; Giao con chung chưa thành Nguyễn Đăng K2 (nam), sinh ngày 15/7/2013 cho Chị P nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; buộc Anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu K2mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi cháu K2tròn 18 tuổi; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: Tách ra giải quyết thành vụ án khác, nếu sau ngày các đương sự có phát sinh tranh chấp và có yêu cầu khởi kiện thì giải quyết bằng vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Nguyễn Thanh B và chị Nguyễn Thị Tuyết P, tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn. Nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, Anh B có đơn xin ly hôn với Chị P, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Tranh chấp này, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Cờ Đỏ, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với Anh B theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Thanh B và chị Nguyễn Thị Tuyết P khai nhận tự nguyện tiến tới hôn nhân có làm đám cưới theo phong tục cổ truyền năm 1999, có đăng ký kết hôn vào ngày 19/12/2002 số 381, quyển số 02 tại Ủy ban nhân dân xã Thới Đông, Ô Môn, Cần Thơ (cũ), do thất lạc bản chính giấy chính giấy chứng nhận kết hôn nên các đương sự đã tự nguyện đăng ký kết hôn lại vào ngày 10/4/2019 quyển số 14 tại Ủy ban nhân dân xã Thới Đông, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Theo kết quả xác minh ngày 09/3/2020 do cán bộ Tư pháp xã Thới Đông cung cấp thông tin và giấy xác nhận hộ tịch ngày 08/4/2019 của Phòng Tư pháp huyện Cờ Đỏ ghi nhận anh Nguyễn Thanh B và chị Nguyễn Thị Tuyết P không có tên đăng ký trong sổ lưu đăng ký kết hôn năm 2002, nên Anh B và Chị P đã tự nguyện đến làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Đông vào ngày 08/4/2019. Do đó xác định, mối quan hệ hôn nhân của Anh B và Chị P là hợp pháp.

Theo lời trình bày của Anh B thì nguyên nhân mâu thuẫn là do vấn đề kinh tế làm ăn thua lỗ, trước đây thu nhập do Chị P quản lý, nhưng Chị P để thất thoát tiền bạc mà không có lý do chính đáng. Chị P cho rằng chị vẫn làm tròn trách nhiệm của người con dâu, người vợ, luôn lo lắng cho gia đình và con cái, Anh B có mối quan hệ với người phụ nữ khác bỏ bê vợ con, không chăm lo tình cảm và kinh tế cho vợ con, Anh B làm việc có thu nhập cao nhưng không phụ giúp Chị P để lo cho gia đình. Theo biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng ngày 09/3/2020 ghi nhận, Chị P là người ngoan hiền, trong gia đình làm tròn nghĩa vụ làm dâu, chăm sóc các con đầy đủ, thời gian đầu, Anh B và Chị P chăm lo làm ăn, nhưng sau đó thì làm ăn thua lỗ dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ vấn đề kinh tế, bà Nguyễn Thị Cẩm H là chị ruột của Anh B cho rằng Anh B không chăm sóc vợ con mà có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài và bỏ nhà đi làm ăn xa, gia đình thường xuyên khuyên Anh B và Chị P hàn gắn tình cảm. Anh B không thừa nhận mình có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Xét nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa Anh B và Chị P là vấn đề kinh tế, ngoài ra Chị P cho rằng Anh B có mối quan hệ với người phụ nữ khác, nhưng Chị P không có chứng cứ, tài liệu nào để chứng minh. Anh B và Chị P có khoảng thời gian khá dài (05 năm) sống ly thân, mặc dù cả hai đều sống chung nhà, xuyên suốt quá trình giải quyết vụ án Chị P cũng không có một biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm với Anh B. Bản thân Chị P cũng thừa nhận lý do

chính chị không đồng ý ly hôn với Anh B là do vấn đề tài sản chưa được giải quyết. Điều đó, cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa Chị P và Anh B có mâu thuẫn sâu sắc, trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân là hạnh phúc không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của Anh B là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh B có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu Chị P cấp dưỡng nuôi con. Chị P có ý kiến trong trường hợp buộc phải ly hôn thì chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đăng K2 (nam), sinh ngày 15/7/2013, yêu cầu Anh B cấp dưỡng cho cháu K2mỗi tháng 5.000.000 đồng. Theo biên bản ghi nhận ý kiến, thì cháu K2có nguyện vọng được sinh sống cùng với Chị P. Do đó, cần tạo điều kiện cho Cháu K2được gần gủi và được sự quan tâm chăm sóc của mẹ, nên giao cháu K2cho Chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Theo Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con". Anh B khai nhận, anh có thu nhập mỗi tháng 40.000.000 đồng, Chị P có yêu cầu Anh B cấp dưỡng cho cháu K2mỗi tháng 5.000.000 đồng. Mức yêu cầu này, là phù hợp với khả năng tài chính của Anh B, nên Anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu K2như yêu cầu của Chị P là có sơ sở. Đối với con chung Nguyễn Đăng K1(nam), đã trưởng thành, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ghi nhận lời khai của các đương sự là không có, nếu sau này phát sinh tranh chấp và có yêu cầu khởi kiện thì giải quyết thành vụ án khác.

[7] Về án phí: Anh B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91 Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58; Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của anh Nguyễn Thanh B với chị Nguyễn Thị Tuyết P.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh B được ly hôn với chị Nguyễn Thị Tuyết P.

Về con chung: Chị P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là Nguyễn Đăng K2 (nam), sinh ngày 15/7/2013, đến tuổi trưởng thành. Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu K2 mỗi tháng 5.000.000 đồng, đến khi cháu K2 tròn 18 tuổi, thời gian thực hiện việc cấp dưỡng được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho Anh B, không ai được quyền ngăn cản. Anh B không được quyền lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của Chị P, nếu có thì Chị P có quyền yêu cầu hạn chế việc thăm con của Anh B. Vì lợi ích mọi mặt của con chung, các đương sự có quyền thay đổi quyền nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ghi nhận lời khai của các đương sự là không có, nếu sau này phát sinh tranh chấp và có yêu cầu khởi kiện thì giải quyết thành vụ án khác.

Về án phí: Anh Nguyễn Thanh B chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng; chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Anh B đã nộp theo biên lai số 012916 ngày 23/12/2019 thành tiền án phí, Anh B phải nộp thêm 300.000 đồng án phí, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Tuyết P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Thanh B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã T, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Quốc Kiệt